

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 4/ 2016
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2016	Số thuế chênh lệch	
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả
90	Nguyễn Phương	Hà	Khoa KHCB h	51.829.357	27.000.000	-	1.396.152	23.433.205	1.593.321	3.684.873		2.091.552
91	Nguyễn Huỳnh Mai	Hạnh	Khoa KHCB h	32.888.397	27.000.000	-	1.358.076	4.530.321	226.515	206.119	20.396	
92	Nguyễn Thị Huyền	Nga	Khoa KHCB h	48.696.487	27.000.000	-	2.037.972	19.658.515	1.215.852	1.202.925	12.927	
93	Nguyễn Thị Minh	Quý	Khoa KHCB a	82.018.521	27.000.000	10.800.000	2.672.547	41.545.974	3.981.897	3.912.507	69.390	
94	Nguyễn Văn	Đông	Khoa KHCB l	60.353.558	27.000.000	10.800.000	1.590.309	20.963.249	1.346.325	4.484.133		3.137.808
95	Cao Đình Trung	Hậu	Khoa KHCB l	56.242.116	27.000.000	21.600.000	2.304.129	5.337.987	266.898	2.589.876		2.322.978
96	Nguyễn Văn	Hậu	Khoa KHCB t	38.796.127	27.000.000	-	891.891	10.904.236	545.211	2.384.313		1.839.102
97	Dương Đức	Kiên	Khoa KHCB t	62.359.127	27.000.000	-	891.891	34.467.236	2.920.086	7.713.642		4.793.556
98	Hà Như	Mai	Khoa KHCB t	63.460.615	27.000.000	-	1.223.493	35.237.122	3.035.568	6.140.517		3.104.949
99	Cao Thị	Nga	Khoa KHCB t	44.528.073	27.000.000	-	2.091.369	15.436.704	793.671	1.061.565		267.894
101	Nguyễn Đức	Thắng	Khoa KHCB tc	65.545.945	27.000.000	10.800.000	2.404.293	25.341.652	1.784.166	4.400.712		2.616.546
102	Nguyễn Phú	Tân	Khoa KHCB tc	47.898.290	27.000.000	-	1.446.921	19.451.369	1.195.137	2.903.867		1.708.730
103	Trương Thị	Hồng	Khoa KHCB	35.142.118	27.000.000	-	891.891	7.250.227	362.511	1.683.375		1.320.864
104	Nguyễn Quỳnh	Giao	Khoa KHCB l	52.097.067	-	-	-	52.097.067	9.181.767	9.181.767	-	
105	Nguyễn Tiên	Dương	Khoa KHCB t	56.661.305	-	-	-	56.661.305	10.351.600	10.351.600	-	
106	Lê Nguyễn Mỹ	Trâm	Khoa KHCB a	26.847.323	27.000.000	-	1.223.493	-	-	198.169		198.169
107	Trần Thanh	Trúc	Khoa KHCB a	19.077.842	27.000.000	-	758.106	-	-	123.629		123.629
108	Nguyễn Thanh	Tú	Khoa KHCB l	46.147.390	27.000.000	21.600.000	2.073.648	-	-	1.133.110		1.133.110
109	Trần Thị Ánh	Tuyết	Khoa KHCB l	23.856.191	27.000.000	32.400.000	-	-	-	2.261.013		2.261.013
110	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	Khoa KHCB t	41.668.941	27.000.000	21.600.000	1.893.552	-	-	1.152.996		1.152.996
111	Giang Phi	Hùng	Khoa KHCB tc	36.309.888	27.000.000	21.600.000	1.234.926	-	-	1.059.621		1.059.621

Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông báo đến các cá nhân có tên trong bảng danh sách phải nộp thuế TNCN trên, đến nộp tại phòng KHTC trước ngày 30/03/2017.